



Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Thưng Y)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2026			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	245.432.000.000	2.040.000.000	243.392.000.000	59.772.456.786	10.657.788.000	49.114.668.786	24	522	20
	Trong đó:						0			
1	Chi giáo dục	106.049.000.000	500.000.000	105.549.000.000	18.799.032.000		18.799.032.000	18	0	18
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	1.025.000.000		1.025.000.000	0			0		0
3	Chi y tế	13.415.000.000		13.415.000.000	3.222.735.679		3.222.735.679	24		24
4	Chi văn hóa, thông tin	0			0					
5	Chi phát thanh, truyền thanh	200.000.000		200.000.000	30.311.003		30.311.003	15		15
6	Chi thể dục, thể thao	0			0					
7	Chi bảo vệ môi trường	1.515.000.000		1.515.000.000	624.474		624.474	0		0
8	Chi các hoạt động kinh tế	6.981.000.000	740.000.000	6.241.000.000	10.682.624.000	10.657.788.000	24.836.000	153		0
9	Chi hoạt động quốc phòng	761.000.000		761.000.000	149.703.287		149.703.287	20		20
10	Chi hoạt động an ninh	90.000.000		90.000.000	0			0		0
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	27.356.640.000		27.356.640.000	7.059.565.412		7.059.565.412	26		26
12	Chi cho công tác xã hội	16.647.000.000	300.000.000	16.347.000.000	8.335.393.253		8.335.393.253	50	0	51
13	Chi khen thưởng	911.000.000		911.000.000	235.405.187		235.405.187	26		26
14	Chi khác	911.000.000		911.000.000	0			0		
15	Chi theo tiêu chí dân số, khác	7.635.360.000		7.635.360.000	326.840.491		326.840.491	4		4
16	Dự phòng	3.757.000.000		3.757.000.000	0			0		0
17	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	57.678.000.000		57.678.000.000	10.930.222.000		10.930.222.000	19		19
18	Các lĩnh vực khác	500.000.000	500.000.000		0			0	0	
19	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	0			0					